

Số: 1815/2021/QĐST-HNGĐ

Tp. Thủ Đức, ngày 20 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1132/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021, về việc “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Mỹ N, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số X đường số Y, tổ Z, khu phố M, phường T, Thành phố Thủ Đức.

Bị đơn: Ông Đỗ Như H, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số X đường số Y, tổ Z, khu phố M, phường T, Thành phố Thủ Đức.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Biên bản thỏa thuận thuận tình ly hôn, thỏa thuận con chung và tài sản chung ngày 12 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản thỏa thuận thuận tình ly hôn, thỏa thuận con chung và tài sản chung ngày 12 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản thỏa thuận thuận tình ly hôn, thỏa thuận con chung và tài sản chung, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Mỹ N, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số X đường số Y, tổ Z, khu phố M, phường T, Thành phố Thủ Đức.

Bị đơn: Ông Đỗ Như H, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số X đường số Y, tổ Z, khu phố M, phường T, Thành phố Thủ Đức.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Trương Thị Mỹ N và ông Đỗ Như H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 1984 ngày 27/10/1984 tại Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Gò Vấp không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Nhung và ông Hưng có 02 (hai) con chung tên Đỗ Như A (Nữ), sinh ngày 09/11/1985 và Đỗ Như B (Nam), sinh ngày 11/01/1992 đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn đồng), bà Trương Thị Mỹ N tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn đồng) bà N đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0028717 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập ngày 13/5/2021. Hoàn lại cho bà N số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng. Bà N đã nộp đủ án phí, ông H không phải nộp án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Phường 4, quận Gò Vấp;
- Lưu (VT), hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Hải Yến